

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 35/2010/NQ-HĐND

*Cao Bằng, ngày 09 tháng 12 năm 2010*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011-2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHOÁ XIV KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 2396/TTr-UBND, ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011-2015 (có nội dung kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XIV kỳ họp thứ 22 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Hà Ngọc Chiến**

**CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC**  
**Phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước**  
**giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**Phần I**

**PHÂN BỐ TỪ NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

**I. NGUYÊN TẮC CHUNG**

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển được xây dựng cho năm 2011, là cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối của ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã (sau đây gọi chung là huyện), được ổn định trong 5 năm của giai đoạn 2011 - 2015.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả tỉnh; các vùng kinh tế trọng điểm, với việc ưu tiên hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

- Bố trí vốn tập trung, bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách Nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác và huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Ưu tiên bố trí trả nợ vốn vay, vốn ứng trước các công trình hoàn thành; đảm bảo bố trí vốn các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm. Các dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đủ thủ tục đầu tư theo quy định về quản lý xây dựng, danh mục dự án đầu tư cần sắp xếp theo thứ tự ưu tiên dự án hoàn thành, chuyển tiếp, khởi công mới, danh mục dự án đầu tư phải được đăng ký, tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê chuẩn.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

- Việc xây dựng các tiêu chí tính điểm phải đảm bảo tính khoa học, có cơ sở pháp lý và đơn giản trong tính toán.

**II. PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ KHỎI TỈNH**

Căn cứ mức vốn đầu tư Chính phủ giao cho tỉnh năm 2011 và ổn định trong giai đoạn 2011 - 2015, phân bổ 70% từ ngân sách tỉnh đầu tư tập trung (không bao gồm nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu, nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án

lớn, nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất, thu bổ sung từ ngân sách tỉnh, thu xổ số kiến thiết) để đầu tư cho các công trình của tỉnh quản lý cho các mục tiêu sau:

- Trả nợ vốn vay kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, vốn ứng trước kế hoạch năm sau do ngân sách tỉnh vay;

- Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành các công trình do các ngành của tỉnh làm chủ đầu tư;

- Hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh;

- Các công trình, dự án phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội chung của tỉnh, của ngành, các dự án trọng điểm của tỉnh, giải phòng mặt bằng, các dự án hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị mới của tỉnh;

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư các công trình do tỉnh quản lý.

### III. PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN

Tổng vốn đầu tư phân bổ cho các huyện chiếm 30% vốn từ ngân sách tỉnh đầu tư tập trung để đầu tư các công trình do huyện quản lý cho các mục tiêu sau:

- Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành các công trình do huyện quản lý;

- Bố trí các công trình chuyển tiếp;

- Bố trí các công trình khởi công mới có đầy đủ thủ tục theo quy định;

- Bố trí quy hoạch và chuẩn bị đầu tư các công trình do huyện quản lý.

Việc bố trí vốn đầu tư các công trình của huyện phải tập trung; đảm bảo nguyên tắc bố trí vốn các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm. Vốn đầu tư phát triển phân cho các huyện, thị thực hiện các dự án (công trình) gồm kiên cố hoá kênh mương, hỗ trợ các xã xây dựng các trạm biến áp và đường dây cao thế; hỗ trợ xây dựng hồ đập thủy lợi, các trạm bơm tưới; các công trình hạ tầng kỹ thuật: đường, điện, nước, kiến thiết địa chính huyện lỵ, thị trấn, các đường huyện lộ, hỗ trợ xây dựng giao thông nông thôn, đối ứng ODA do huyện làm chủ đầu tư...; trụ sở các cơ quan quản lý Nhà nước cấp huyện, xã; các Trạm y tế xã, Trung tâm y tế huyện; hỗ trợ xây dựng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, các cơ sở dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, nước sạch nông thôn, nhà ở giáo viên các xã miền núi, trung tâm văn hoá thể thao và các công trình văn hoá xã hội khác của huyện.

### IV. TIÊU CHÍ PHÂN BỐ

Theo 5 nhóm tiêu chí cơ bản sau:

1. Tiêu chí dân số gồm 2 tiêu chí: số dân trung bình của huyện và số người dân tộc thiểu số ít người.

2. Tiêu chí về trình độ phát triển gồm 2 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo; thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất).

3. Tiêu chí diện tích gồm 1 tiêu chí: diện tích đất tự nhiên của các huyện.

4. Tiêu chí về đơn vị hành chính bao gồm 3 tiêu chí: số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; số xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn được hưởng chương trình 135 - giai đoạn II; số xã biên giới.

5. Tiêu chí bổ sung: Thị xã - Trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh.

**V. XÁC ĐỊNH SỐ ĐIỂM CỦA TỪNG TIÊU CHÍ CỤ THỂ**

**1. Tiêu chí dân số**

a) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Đến 30.000 người	10
Trên 30.000 người, cứ 10.000 được thêm	1

b) Điểm của tiêu chí số dân tộc ít người trên địa bàn (trừ Kinh, Hoa, Tày, Nùng)

Số dân tộc ít người	Điểm
1.000 người	0,1

**2. Tiêu chí trình độ phát triển**

a) Điểm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
< 10%	0,5
> 10%, cứ 10% hộ nghèo tăng thêm (cứ 1% tăng thêm)	1 (0,1)

b) Điểm tiêu chí thu nội địa: số thu nội địa của từng huyện (không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất)

Thu nội địa	Điểm
< 2 tỷ đồng	1
> 2 tỷ đồng, cứ 0,1 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	0,1

**3. Tiêu chí diện tích tự nhiên**

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
< 100 km <sup>2</sup>	6
Từ 100 km <sup>2</sup> trở lên, cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính	0,3

**4. Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn**

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
< 8 xã	8
Từ 8 xã, phường, thị trấn trở lên, cứ mỗi xã tăng thêm được tính	1
Cứ 1 xã nằm trong Chương trình 135 (giai đoạn II) được tính thêm	0,5
Cứ 1 xã biên giới được tính thêm	0,5

**5. Tiêu chí bổ sung:** Thị xã Cao Bằng - Trung tâm Chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh

Tiêu chí bổ sung	Điểm
Thị xã Cao Bằng	15

**Phần II**

**PHÂN BỐ VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ THEO MỤC TIÊU**

**I. PHÂN CẤP QUẢN LÝ**

**1. Phân cấp cho các huyện, thị xã quản lý một số nguồn vốn sau**

1.1. Nguồn vốn chương trình 135 giai đoạn II: Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng bộ tiêu chí phân bổ cho các xã để ưu tiên các xã khó khăn hơn, không phân bổ bình quân.

1.2. Nguồn vốn chương trình bố trí dân cư, định canh, định cư theo Quyết định 193/QĐ-TTg. Căn cứ mức vốn Chính phủ giao và kế hoạch được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt để phân bổ cho các huyện, thị.

1.3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng huyện mới tách: Bảo Lâm, Phục Hoà. Giao toàn bộ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện mới tách quản lý.

1.4. Đầu tư cho 5 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008: Căn cứ mức vốn Chính phủ giao và kế hoạch được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt, trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn riêng cho 5 huyện nghèo theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg, ngày 30/9/2010 phân bổ cho 5 huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Thông Nông, Hà Quảng, Hạ Lang. Cụ thể nguyên tắc, tiêu chí như sau:

**\* Nguyên tắc chung**

- Thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước chỉ bố trí: các công trình, dự án kết cấu hạ

tăng kinh tế - xã hội, các chế độ, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

- Các công trình, dự án, chế độ, chính sách phục vụ mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nằm trong Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; các công trình, dự án đầu tư phải đáp ứng đầy đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành;

- Bố trí vốn tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư, ưu tiên bố trí cho các công trình, dự án trực tiếp phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất; các công trình, dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch; đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm; không bố trí vốn cho các dự án khi chưa xác định được rõ nguồn vốn. Phải bố trí đủ vốn để thanh toán các khoản nợ và ứng trước năm kế hoạch;

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn; tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác; bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

**\* Các tiêu chí, số điểm và phương pháp phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu (Vốn thực hiện NQ 30a)**

1. Các tiêu chí, số điểm phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu

a) Tiêu chí diện tích tự nhiên.

<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>Điểm</b>
Dưới 100.000 ha	5
Từ 100.000 ha	5,5

b) Tiêu chí đơn vị hành chính gồm 2 tiêu chí: số đơn vị hành chính cấp xã; số miền núi, vùng cao, biên giới;

- Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã

<b>Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Điểm</b>
Dưới 15 xã	2
Từ 15 xã trở lên	2,5

- Tiêu chí số xã miền núi, vùng cao, biên giới

<b>Số xã miền núi, vùng cao, biên giới</b>	<b>Điểm</b>
Dưới 15 xã	0,5
Từ 15 xã trở lên	0,7

c) Tiêu chí dân số gồm 2 tiêu chí: tổng số dân và tổng số người dân tộc thiểu số:

- Tiêu chí tổng số dân

Tổng số dân	Điểm
Dưới 60.000 người	5
Từ 60.0000 người trở lên	5,5

- Tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Dưới 50.000 người	2
Từ 50.0000 người trở lên	2,3

d) Tiêu chí về hộ nghèo gồm 02 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ giảm nghèo;

- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Dưới 35%	3
Từ 35% trở lên	5

- Tiêu chí tỷ lệ giảm nghèo

Tỷ lệ giảm nghèo	Điểm
Cứ giảm 1% tỷ lệ hộ nghèo hàng năm được thêm	0,2

e) Tiêu chí tỷ lệ giải ngân vốn bổ sung có mục tiêu hàng năm.

Tỷ lệ giải ngân vốn bổ sung có mục tiêu hàng năm	Điểm
Dưới 80%	-0,5
Từ 80% trở lên	0,5

g) Tiêu chí chấp hành chế độ báo cáo.

Chấp hành chế độ báo cáo	Điểm
Đầy đủ, đúng thời hạn	0,5
Không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn	- 0,5

\* *Xác định vốn đầu tư trong cân đối của các huyện*

Căn cứ các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện và tổng số điểm của 5 huyện nghèo, làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối. Vốn phân bổ cho các huyện được tính theo công thức sau:

$$V_i = \frac{VDT \times Đ_i}{Đ}$$

Trong đó: - VDT là tổng vốn đầu tư giao các huyện phân bổ theo tiêu chí;

- Đ là tổng số điểm của 5 huyện nghèo;

- Đ<sub>i</sub> là số điểm của một đơn vị huyện;

- V<sub>i</sub> là vốn phân bổ cho một đơn vị huyện ứng với số điểm Đ<sub>i</sub>.



2. Phương pháp phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu

a) Vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Nhà nước cho các huyện nghèo để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách cho các xã không thuộc Chương trình 135 giai đoạn II được hưởng các cơ chế, chính sách quy định như đối với xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, cách phân bổ như sau:

- Căn cứ số xã không thuộc Chương trình 135 giai đoạn II và định mức quy định, xác định tổng số kinh phí bổ sung thêm cho từng huyện (ngoài số kinh phí đã được bố trí trong Chương trình 135);

- Đối với những xã không thuộc Chương trình 135 giai đoạn II nhưng có thôn (xóm) thuộc Chương trình 135 giai đoạn II: Do tổng số kinh phí phân bổ cho các thôn trong 01 xã thấp hơn số kinh phí được hỗ trợ theo định mức cho 01 xã thuộc Chương trình 135 nên được phân bổ thêm phần chênh lệch để đảm bảo mức kinh phí bố trí cho xã theo định mức; các trường hợp còn lại không phân bổ kinh phí cho các xã này.

b) Tổng số vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Nhà nước còn lại sau khi đã thực hiện chính sách quy định tại điểm (a) nêu trên được phân bổ cho các huyện nghèo theo tiêu chí.

c) Tổng số vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Nhà nước cho mỗi huyện bằng tổng số kinh phí thực hiện các điểm (a) và điểm (b) nêu trên.

**2. Các nguồn hỗ trợ theo mục tiêu khác, thuộc ngân sách cấp tỉnh, phân bổ theo đúng các mục tiêu được hỗ trợ và các chương trình dự án được duyệt.**

**II. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỔ**

**1. Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản**

Thực hiện theo Quyết định số 2194/QĐ-TTg, ngày 25/12/2009 (thời gian thực hiện đến năm 2020). Nguồn vốn này dùng để thực hiện các dự án nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản; các dự án đầu tư được duyệt theo tiêu chuẩn của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

**2. Chương trình di dân định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số**

Thực hiện các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, ngày 05/3/2007 về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1342/QĐ-TTg, ngày 25/8/2009 về việc phê duyệt kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012.

Căn cứ mức vốn Chính phủ giao và kế hoạch được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt ưu tiên cho các huyện nghèo, ưu tiên cho các dự án dở dang, đang thực hiện theo quy định hiện hành.

### **3. Chương trình bố trí di dân, định canh, định cư**

Thực hiện theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến hết năm 2015.

Căn cứ mức vốn Chính phủ giao và kế hoạch được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt chi hỗ trợ đầu tư cho các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006.

### **4. Hỗ trợ khu công nghiệp**

Nguồn vốn này cho dự án hạ tầng khu công nghiệp Đề Thám.

### **5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu**

Tập trung đầu tư cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang; không hỗ trợ có mục tiêu ngân sách Trung ương của chương trình để xây dựng trường học, bệnh viện, trạm xá, chợ, trụ sở huyện, xã,... nằm trong khu kinh tế cửa khẩu.

### **6. Hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ bền vững**

Thực hiện theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg, ngày 10/9/2007 và Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ quy hoạch, kế hoạch và các dự án được duyệt về trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ nguồn vốn này đến các chủ đầu tư, các dự án thành phần.

### **7. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung**

Thực hiện các mục tiêu của Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010.

Căn cứ mức vốn Chính phủ giao và kế hoạch được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt bố trí phân bổ vốn theo đúng quy định của Chính phủ. Tập trung vốn để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra đến năm 2010 chưa hoàn thành về xóa đói, giảm nghèo, đưa dân trở lại biên giới theo quy hoạch và kế hoạch, bảo đảm điều kiện sản xuất và sinh hoạt an toàn, biên giới không còn thôn, bản trống dân; cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống đường vành đai biên giới, đường giao thông nội bộ các xã biên giới, đường tuần tra và quản lý biên giới theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; phát triển giao lưu kinh tế biên giới, dịch vụ xuất khẩu hàng hóa và du lịch cho cả nước; đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế tối đa khởi công mới.

### **8. Chương trình quản lý, bảo vệ biên giới đất liền**

Căn cứ mức vốn Chính phủ giao và kế hoạch được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt, bố trí xây dựng cụm dân cư gắn với đồn Biên phòng mới thành lập, mới di chuyển; xây dựng một số tuyến giao thông trọng yếu phục vụ quản lý, bảo vệ biên giới kết hợp nhu cầu cấp bách kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (các tuyến không thuộc quy hoạch hệ thống đường tuần tra biên giới của Bộ Quốc phòng); kè bờ sông suối biên giới trọng yếu, kè bảo vệ chân cột mốc quốc giới.

#### **9. Hỗ trợ đầu tư các huyện mới chia tách**

Phân bổ cho các huyện Bảo Lâm, Phục Hòa; ưu tiên bố trí cho các dự án chuyển tiếp; không bố trí vốn cho các dự án đã sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ.

#### **10. Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý**

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ trực tiếp cho các dự án ODA thuộc diện cấp phát qua ngân sách do tỉnh quản lý. Chỉ hỗ trợ vốn đối ứng cho các dự án được giao trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm do các địa phương trực tiếp quản lý, làm chủ dự án; hiệp định, văn kiện dự án đã được ký với nhà tài trợ hoặc địa phương làm đầu mối thanh toán vốn nước ngoài; Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển được cân đối trong ngân sách Nhà nước (gồm cả dự án vay và viện trợ không hoàn lại), không bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp và các dự án cho vay lại; Đối với các dự án ODA tổng hợp (gồm nhiều lĩnh vực, nhiều cấu phần), chỉ hỗ trợ phần đầu tư phát triển; ưu tiên hỗ trợ vốn đối ứng cho các dự án ODA thuộc lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, giao thông, phát triển nông nghiệp nông thôn, cơ sở hạ tầng nông thôn, y tế và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường.

#### **11. Hỗ trợ đầu tư các Trung tâm giáo dục, lao động xã hội**

Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế khởi công mới.

#### **12. Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh**

Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm kế hoạch; hạn chế tối đa việc khởi công mới; chỉ bố trí vốn đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở đã đáp ứng được về cơ sở hạ tầng, nhà cửa và con người, nhưng chưa đủ thiết bị; không bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho các dự án thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

#### **13. Hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách địa phương không cân đối được**

Đầu tư các công trình, dự án được lãnh đạo Đảng và Nhà nước yêu cầu bố trí vốn đầu tư hàng năm; đầu tư theo mức vốn đã được lãnh đạo Đảng và Nhà nước quyết định.

#### **14. Hỗ trợ đầu tư xây dựng các trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã**

Ưu tiên hỗ trợ các xã mới chia tách, các xã chưa có trụ sở hiện vẫn phải đi thuê địa điểm làm việc; trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường bị xuống cấp nghiêm

trọng, không an toàn cho người sử dụng; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp.

**15. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch**

Số lượng dự án hạ tầng du lịch được hỗ trợ hàng năm không quá 3 dự án; không hỗ trợ khởi công dự án mới khi các dự án đang được hỗ trợ chưa hoàn thành.

**16. Hỗ trợ các mục tiêu cụ thể khác**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

**CHỦ TỊCH**

**Hà Ngọc Chiến**